

Số: /BC-UBND

Trung Thành, ngày tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO

Sơ kết 01 năm 06 tháng thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

Thực hiện Công văn số 6641/UBND-KGVX ngày 06/6/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc tham mưu xây dựng báo cáo và tự đánh giá kết quả thực hiện phục vụ Hội nghị sơ kết 01 năm 06 tháng triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị.

UBND phường Trung Thành báo cáo kết quả sơ kết 01 năm 06 tháng triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia như sau:

Phần 1

TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HIỆN

I. Kết quả nổi bật nhất qua 1 năm 6 tháng triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW

Qua 01 năm 06 tháng triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, công tác chuyển đổi số trên địa bàn phường có nhiều chuyển biến tích cực. Trước khi Nghị quyết được ban hành, việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến, số hóa hồ sơ và ứng dụng công nghệ số trong giải quyết thủ tục hành chính còn hạn chế; nhận thức và kỹ năng số của một bộ phận cán bộ, người dân chưa đồng đều. Trong thời gian từ ngày 01/7/2025 đến ngày 06/6/2026, UBND phường Trung Thành đã tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định, bảo đảm phục vụ tốt nhu cầu của tổ chức và công dân.

Tổng số hồ sơ tiếp nhận là 12.456 hồ sơ, trong đó có 98 hồ sơ kỳ trước chuyển sang, 1.615 hồ sơ tiếp nhận trực tiếp, 10.743 hồ sơ tiếp nhận trực tuyến, không phát sinh hồ sơ tiếp nhận qua BCCI.

Kết quả giải quyết, UBND phường đã giải quyết 12.294 hồ sơ, đạt tỷ lệ 98,70% trên tổng số hồ sơ tiếp nhận. Trong đó, 100% hồ sơ được giải quyết đúng và trước hạn (12.294 hồ sơ), không có hồ sơ quá hạn.

Đến ngày 06/6/2026, còn 162 hồ sơ đang trong quá trình giải quyết, trong đó 160 hồ sơ còn trong thời hạn giải quyết, 02 hồ sơ quá hạn.

Cụ thể:

Năm 2025, UBND phường tiếp nhận 7.618 hồ sơ, đã giải quyết 7.520 hồ sơ, còn 98 hồ sơ đang giải quyết, trong đó 96 hồ sơ chưa đến hạn và 02 hồ sơ quá hạn. Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 06/6/2026, UBND phường tiếp nhận 4.838 hồ sơ (gồm 98 hồ sơ chuyển từ kỳ trước), đã giải quyết 4.774 hồ sơ, đạt tỷ lệ 98,68%, còn 64 hồ sơ đang giải quyết, tất cả đều còn trong thời hạn giải quyết, không có hồ sơ quá hạn.

Nhìn chung, công tác tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính của UBND phường Trung Thành được thực hiện nghiêm túc, bảo đảm đúng quy trình, thời gian quy định; tỷ lệ giải quyết đúng hạn đạt 100% đối với các hồ sơ đã hoàn thành, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ người dân và tổ chức trên địa bàn.

Phong trào Bình dân học vụ số được triển khai sâu rộng trên địa bàn phường. UBND phường đã tổ chức 4 hội nghị tập huấn nâng cao kỹ năng số, ứng dụng AI và cải cách hành chính cho 150 cán bộ, công chức, viên chức; tổ chức phát động đợt cao điểm cấp chữ ký số công cộng và tập huấn nâng cao kỹ năng số cho Tổ công nghệ số cộng đồng và người dân.

Bên cạnh đó, phường đã xây dựng mô hình Camera an ninh tại 49 TDP ứng dụng công nghệ số vào đảm bảo an ninh trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

1. Chuyển biến quan trọng nhất so với thời điểm mới ban hành Nghị quyết số 57-NQ/TW

Chuyển biến quan trọng nhất là nhận thức và hành động của cán bộ, công chức và người dân về vai trò của khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đã được nâng lên rõ rệt. Việc sử dụng văn bản điện tử, chữ ký số, dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt và các nền tảng số ngày càng trở nên phổ biến; người dân chủ động hơn trong việc tiếp cận, sử dụng các dịch vụ số và ứng dụng công nghệ trong học tập, lao động, sản xuất và đời sống.

2. Những tồn tại, điểm nghẽn lớn hiện nay đang cản trở tiến độ, chất lượng, hiệu quả thực hiện

Hạ tầng công nghệ thông tin tại cơ sở tuy đã được quan tâm đầu tư nhưng chưa thực sự đồng bộ; một số trang thiết bị đã qua thời gian sử dụng, cần được nâng cấp, thay thế. Kinh phí dành cho khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số còn hạn chế so với yêu cầu thực tế.

Mặc dù phường đã bố trí công chức phụ trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số nhưng còn kiêm nhiệm nhiều lĩnh vực khác nhau; trong khi yêu cầu về chuyên môn, kỹ thuật và khối lượng công việc ngày càng lớn. Kỹ năng số của một bộ phận người dân, nhất là người cao tuổi, còn hạn chế; việc tiếp cận và sử dụng các nền tảng số chưa đồng đều.

3. Sau 1,5 năm, năng lực cạnh tranh mới hoặc mô hình phát triển mới nào đã bắt đầu hình thành tại địa phương

Sau 1,5 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, trên địa bàn phường bước đầu hình thành các mô hình ứng dụng công nghệ số và khoa học công nghệ gắn với nhu cầu thực tiễn của địa phương như mô hình “Đoàn thanh niên phường hưởng ứng phong trào “Bình dân học vụ số”, tiếp cận và sử dụng AI”, mô hình “Chợ 4.0 - Chợ thanh toán không dùng tiền mặt”. Các mô hình này góp phần nâng cao kỹ năng số cho người dân, thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong đời sống và từng bước đưa khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp, tạo nền tảng cho quá trình chuyển đổi số và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong thời gian tới.

II. VỀ CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện

1.1. Kết quả nổi bật trong công tác chỉ đạo, điều hành gắn với vai trò của cấp ủy, tổ chức đảng, người đứng đầu

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW tiếp tục được Đảng ủy, HĐND, UBND phường quan tâm thực hiện quyết liệt, đồng bộ, gắn với phương châm “rõ người, rõ việc, rõ tiến độ, rõ trách nhiệm, rõ hiệu quả”. So với thời điểm đầu năm 2025, việc triển khai các nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đã có nhiều chuyển biến tích cực theo hướng thực chất, bám sát nhiệm vụ chính trị, cải cách hành chính và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

UBND phường đã chủ động xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các kế hoạch, văn bản triển khai nhiệm vụ; phân công trách nhiệm cụ thể cho các cơ quan, đơn vị và bộ phận chuyên môn trong quá trình thực hiện. Việc ứng dụng các nền tảng số trong quản lý, điều hành, xử lý công việc, giải quyết thủ tục hành chính và triển khai các nhiệm vụ chuyên môn tiếp tục được đẩy mạnh; công tác phối hợp, chia sẻ thông tin, khai thác dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước từng bước được nâng cao.

Thông qua sự chỉ đạo tập trung, thống nhất của cấp ủy, chính quyền địa phương, các nhiệm vụ về chuyển đổi số, phát triển kỹ năng số, phổ cập chữ ký số công cộng, ứng dụng trí tuệ nhân tạo và ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất đã được triển khai đồng bộ, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan nhà nước, tạo thuận lợi cho người dân trong tiếp cận các dịch vụ số và từng bước thúc đẩy ứng dụng khoa học, công nghệ vào đời sống và sản xuất trên địa bàn phường.

1.2. Những chuyển biến cụ thể, hiệu quả thực chất đem lại; khó khăn, vướng mắc đã được tháo gỡ; tác động đối với cơ quan nhà nước, người dân, doanh nghiệp...

Việc triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW tại địa phương đã góp phần nâng cao tính chủ động trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ

về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; các nhiệm vụ được giao cơ bản được cụ thể hóa bằng kế hoạch, phân công rõ trách nhiệm, tiến độ và đầu mối thực hiện.

Công tác phối hợp giữa các bộ phận chuyên môn, các tổ chức đoàn thể và Tổ công nghệ số cộng đồng từng bước được tăng cường; nhiều nội dung trước đây triển khai riêng lẻ nay đã được lồng ghép đồng bộ với cải cách hành chính, chuyển đổi số và phong trào “Bình dân học vụ số”.

Thông qua việc duy trì các hệ thống dùng chung của tỉnh, việc xử lý văn bản, điều hành công việc, giải quyết thủ tục hành chính tại địa phương được thực hiện ổn định, hạn chế tình trạng xử lý thủ công; việc trao đổi thông tin giữa các bộ phận được thuận lợi hơn, góp phần giảm thời gian xử lý công việc và nâng cao hiệu quả phục vụ người dân.

Các mô hình chuyển đổi số cộng đồng bước đầu tạo được sự lan tỏa tại cơ sở; người dân đã từng bước tiếp cận các nền tảng số, thanh toán không dùng tiền mặt, dịch vụ công trực tuyến và ứng dụng AI phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

Đối với các hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn, việc hỗ trợ quảng bá trên môi trường số đã góp phần mở rộng hình thức giới thiệu sản phẩm, nâng cao khả năng tiếp cận khách hàng thông qua website và các nền tảng trực tuyến.

Một số khó khăn trước đây như việc sử dụng chữ ký số, tiếp cận dịch vụ công trực tuyến và khai thác các hệ thống dùng chung từng bước được cải thiện thông qua công tác tuyên truyền, hướng dẫn trực tiếp tại cơ sở.

Tuy nhiên, quá trình triển khai vẫn còn khó khăn do kỹ năng số của một bộ phận người dân còn hạn chế; nhiều điện thoại thông minh của người dân có cấu hình thấp, dung lượng bộ nhớ ít nên việc cài đặt và sử dụng nhiều ứng dụng số còn gặp khó khăn; nguồn nhân lực chuyên sâu về công nghệ thông tin tại cấp xã còn thiếu, chủ yếu thực hiện kiêm nhiệm.

(Có Phụ lục I kèm theo).

2. Về việc thực thi nhiệm vụ được giao

Tổng số nhiệm vụ được giao: 34, trong đó:

- (1) Số nhiệm vụ đã hoàn thành; 34/34 (số nhiệm vụ hoàn thành trong hạn: 34/34, số nhiệm vụ hoàn thành quá hạn: 0 nhiệm vụ);
- (2) Số nhiệm vụ quá hạn chưa hoàn thành: 0 nhiệm vụ;
- (3) Số nhiệm vụ đang thực hiện trong hạn: 0 nhiệm vụ

Tại Hệ thống theo dõi tình hình thực hiện Nghị quyết, Chỉ thị, kết luận theodoing.dcs.vn, giám sát tiến độ thực hiện Kế hoạch 02 trên địa bàn phường, UBND phường đã hoàn thành 34/34 nhiệm vụ của giai đoạn 2.

3. Về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị, sáng kiến, giải pháp (PAKN, SKGP)

Về tiếp nhận xử lý phản ánh, kiến nghị, sáng kiến, giải pháp (PAKN, SKGP) về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số thông qua Hệ thống pakn.nq57.vn và các kênh có liên quan

Tổng số PAKN, SKGP đã nhận được: 0.

Trong kỳ báo cáo, Ủy ban nhân dân phường Trung Thành không nhận được phản ánh, kiến nghị, sáng kiến, giải pháp nào về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số do cấp có thẩm quyền chuyển đến qua Hệ thống pakn.nq57.vn hoặc các kênh liên quan.

Số PAKN, SKGP đã giải quyết: 0.

Số PAKN, SKGP tồn đọng/chưa được giải quyết: 0.

Hiện nay, việc tiếp nhận phản ánh, kiến nghị trên Hệ thống pakn.nq57.vn được thực hiện tập trung ở cấp tỉnh; cấp xã thực hiện xử lý khi có nội dung được chuyển giao theo thẩm quyền. UBND phường Trung Thành đã quán triệt cán bộ, công chức theo dõi, sẵn sàng phối hợp xử lý kịp thời khi phát sinh nội dung thuộc phạm vi quản lý.

(Có Phụ lục II kèm theo).

III. VỀ HOÀN THIỆN THỂ CHẾ, CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH

1. Tình hình, kết quả thực hiện

Trong thời gian qua, UBND phường Trung Thành tập trung triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương, của tỉnh và các văn bản chỉ đạo của cấp có thẩm quyền liên quan đến khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Đối với lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đến nay địa phương chưa ban hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền. Tuy nhiên, để tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao, UBND phường đã ban hành nhiều kế hoạch, quyết định, văn bản chỉ đạo, điều hành liên quan đến chuyển đổi số, Đề án 06, phong trào Bình dân học vụ số, Chiến dịch 100 ngày số hóa, làm sạch, chuẩn hóa dữ liệu, phổ cập chữ ký số công cộng và các nhiệm vụ ứng dụng khoa học, công nghệ trên địa bàn.

So với đầu năm 2025, việc tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đã có nhiều chuyển biến tích cực. Các nhiệm vụ được triển khai ngày càng đồng bộ, bám sát yêu cầu thực tiễn của địa phương; nhận thức của cán bộ, công chức và người dân về vai trò của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tiếp tục được nâng cao. Việc ứng dụng công nghệ số trong quản lý, điều hành, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến và ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất từng bước mang lại hiệu quả thiết thực, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng phục vụ người dân.

Đối với các nội dung về cơ chế đặt hàng công nghệ theo đầu ra, mua sắm công đổi mới sáng tạo, nghiệm thu sản phẩm công nghệ theo kết quả vận hành, cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox), định giá tài sản trí tuệ, định giá dữ

liệu, định giá sản phẩm nghiên cứu và phát triển (R&D), cơ chế góp vốn, chuyển nhượng, thế chấp tài sản trí tuệ, quỹ đầu tư mạo hiểm, vốn môi, đồng đầu tư và các cơ chế đặc thù khác, trên địa bàn phường chưa phát sinh nội dung thuộc phạm vi triển khai, thực hiện.

(Có Phụ lục III kèm theo).

IV. VỀ CHUYÊN ĐỔI SỐ

1. Về thủ tục hành chính (TTHC) và dịch vụ công trực tuyến (DVCTT)

- Tổng số thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã: 358 thủ tục hành chính, trong đó, số dịch vụ công trực tuyến toàn trình là 196 thủ tục, số dịch vụ công trực tuyến một phần là 162 thủ tục. Từ 1/7/2025 đến ngày 06/6/2026 UBND phường đã tiếp nhận TTHC như sau:

Tổng số hồ sơ tiếp nhận là 12.456 hồ sơ, trong đó có 98 hồ sơ kỳ trước chuyển sang, 1.615 hồ sơ tiếp nhận trực tiếp, 10.743 hồ sơ tiếp nhận trực tuyến, không phát sinh hồ sơ tiếp nhận qua BCCI.

Kết quả giải quyết, UBND phường đã giải quyết 12.294 hồ sơ, đạt tỷ lệ 98,70% trên tổng số hồ sơ tiếp nhận. Trong đó, 100% hồ sơ được giải quyết đúng và trước hạn (12.294 hồ sơ), không có hồ sơ quá hạn.

Đến ngày 06/6/2026, còn 160 hồ sơ đang trong quá trình giải quyết, trong đó 160 hồ sơ còn trong thời hạn giải quyết.

+ Dịch vụ công trực tuyến đối với người dân, tổ chức, doanh nghiệp được cung cấp trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính theo quy định; các dịch vụ công trực tuyến phi địa giới hành chính được triển khai theo quy định. Công tác liên thông, chia sẻ, khai thác và tái sử dụng dữ liệu tiếp tục được thực hiện hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính.

- Kết quả việc rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC; cắt giảm điều kiện kinh doanh theo các nghị quyết của Chính phủ.

UBND phường thường xuyên thực hiện rà soát thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết; kịp thời phản ánh, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét đơn giản hóa các thành phần hồ sơ, quy trình giải quyết và các quy định còn vướng mắc trong quá trình thực hiện. Việc đẩy mạnh tiếp nhận hồ sơ trực tuyến, số hóa hồ sơ và tái sử dụng dữ liệu đã góp phần giảm giấy tờ, giảm thời gian và chi phí thực hiện thủ tục hành chính cho người dân. Trong kỳ báo cáo, địa phương chưa có nội dung đề xuất cắt giảm điều kiện kinh doanh.

- Kết quả triển khai Cổng Dịch vụ công quốc gia, các hệ thống thông tin giải quyết TTHC.

UBND phường duy trì việc khai thác, sử dụng Công Dịch vụ công quốc gia và Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính trong tiếp nhận, giải quyết hồ sơ; thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và đồng bộ dữ liệu theo quy định.

- Việc triển khai các ứng dụng (trong đó có VNeID), dịch vụ, tiện ích số tại các ngành, lĩnh vực, cơ quan.

UBND phường tiếp tục triển khai thực hiện Đề án 06 của Chính phủ; đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng tài khoản định danh điện tử VNeID, dịch vụ công trực tuyến, chữ ký số công cộng và các tiện ích số trong thực hiện thủ tục hành chính.

- Đánh giá kết quả đạt được: So với đầu năm 2025, việc giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử đã có nhiều chuyển biến tích cực, tạo thuận lợi hơn cho người dân, tổ chức và doanh nghiệp trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính. Việc tiếp nhận hồ sơ trực tuyến, số hóa hồ sơ và cấp kết quả điện tử góp phần giảm hồ sơ giấy, giảm số lần đi lại, giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính. Công tác liên thông, tái sử dụng dữ liệu tiếp tục được đẩy mạnh, hạn chế việc người dân phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ đã có trong cơ sở dữ liệu. Qua đó góp phần nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính, tiết kiệm thời gian, chi phí cho người dân và cơ quan nhà nước.

- Đối với nhóm thủ tục chuyên biệt có thể gây điểm nghẽn cho thị trường công nghệ cần phải rà soát, cắt giảm như: thủ tục thử nghiệm công nghệ; sandbox; đặt hàng công nghệ; mua sắm công nghệ; thành lập phòng thí nghiệm; đầu tư vào khu công nghệ cao; định giá tài sản trí tuệ; chia sẻ, khai thác dữ liệu; thủ tục đất đai, xây dựng cho R&D, phòng lab.

Qua rà soát, trên địa bàn phường không phát sinh các thủ tục thuộc phạm vi giải quyết của UBND phường liên quan đến thử nghiệm công nghệ, cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox), thành lập phòng thí nghiệm, đầu tư khu công nghệ cao, định giá tài sản trí tuệ hoặc các thủ tục phục vụ hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D). Do đó, địa phương không có nội dung báo cáo về các thủ tục nghẽn và phương án cắt giảm đối với nhóm thủ tục này.

(Có Phụ lục IV kèm theo)

2. Về hạ tầng, kiến trúc số

- Hạ tầng viễn thông trên địa bàn phường cơ bản đáp ứng nhu cầu thông tin liên lạc, truy cập internet và triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số. So với đầu năm 2025, hạ tầng viễn thông tiếp tục được cải thiện, tỷ lệ phủ sóng 5G đạt 75%. Địa phương chưa ghi nhận các điểm lùm sóng lớn ảnh hưởng đến việc triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số.

- UBND phường đã trang bị hệ thống máy tính, mạng nội bộ, đường truyền internet và các thiết bị công nghệ thông tin phục vụ công tác chuyên môn. Hạ tầng kỹ thuật cơ bản đáp ứng yêu cầu triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số, giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử và khai thác các hệ thống thông tin dùng chung; bảo đảm vận hành ổn định, thông suốt phục vụ hoạt động quản lý, điều hành của cơ quan.

- So với đầu năm 2025, hạ tầng số trên địa bàn phường đã có bước phát triển tích cực, đặc biệt là việc triển khai phủ sóng mạng 5G. Hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin cơ bản đáp ứng yêu cầu thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số, góp phần nâng cao hiệu quả xử lý công việc trên môi trường điện tử, bảo đảm hoạt động ổn định của các hệ thống thông tin và nâng cao chất lượng phục vụ người dân, tổ chức.

3. Về các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung ngành, lĩnh vực

UBND phường tiếp tục triển khai, khai thác và sử dụng hiệu quả các nền tảng số quốc gia và nền tảng số dùng chung phục vụ công tác quản lý, điều hành và giải quyết thủ tục hành chính như: Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống quản lý văn bản và điều hành, thư điện tử công vụ, tài khoản định danh điện tử VNeID và các nền tảng phục vụ thực hiện Đề án 06 của Chính phủ.

So với đầu năm 2025, việc khai thác, sử dụng các nền tảng số ngày càng thường xuyên, hiệu quả hơn; tỷ lệ xử lý công việc trên môi trường điện tử được nâng cao, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, chất lượng giải quyết thủ tục hành chính và phục vụ người dân, tổ chức.

(Có Phụ lục V kèm theo)

4. Về dữ liệu số

- Tiến độ xây dựng, đưa vào sử dụng các CSDL quốc gia, chuyên ngành theo Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW của Ban Chỉ đạo Trung ương và Nghị quyết số 11 của Chính phủ.

UBND phường thực hiện khai thác, sử dụng các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và các hệ thống thông tin dùng chung theo phân cấp, hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền, phục vụ công tác quản lý nhà nước, giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện Đề án 06 của Chính phủ.

- Việc số hóa hồ sơ TTHC, DVC, dữ liệu chuyên ngành (đất đai, môi trường, hộ tịch, y tế, giáo dục,...).

Công tác số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện thường xuyên; tỷ lệ số hóa hồ sơ đạt 100%. Dữ liệu hộ tịch điện tử được cập nhật,

khai thác theo quy định; các dữ liệu chuyên ngành khác được quản lý, sử dụng trên các hệ thống chuyên ngành của cấp có thẩm quyền.

- Mức độ đúng, đủ, sạch, sống của dữ liệu; kết nối, chia sẻ, liên thông, mở dữ liệu; mức độ khai thác, sử dụng dữ liệu trong công tác nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ công, điều hành, quản lý nhà nước; khả năng thay thế hồ sơ giấy bằng dữ liệu; những CSDL còn chậm, còn thiếu dữ liệu, khó khai thác hoặc chưa phát huy hiệu quả.

Việc kết nối, chia sẻ và tái sử dụng dữ liệu tiếp tục được thực hiện hiệu quả; tỷ lệ tái sử dụng dữ liệu đạt 100%. Dữ liệu phục vụ giải quyết thủ tục hành chính cơ bản bảo đảm tính chính xác, đầy đủ và được cập nhật thường xuyên, góp phần nâng cao hiệu quả giải quyết công việc, từng bước giảm việc sử dụng hồ sơ giấy. Một số cơ sở dữ liệu chuyên ngành chưa do cấp xã quản lý nên việc khai thác, sử dụng phụ thuộc vào tiến độ cập nhật, hoàn thiện của cơ quan quản lý chuyên ngành.

- Đánh giá kết quả thực chất đạt được với 3 cấp độ dữ liệu

So với đầu năm 2025, công tác số hóa hồ sơ, khai thác và sử dụng dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính đã có nhiều chuyển biến tích cực. Dữ liệu từng bước được chuẩn hóa, liên thông và tái sử dụng hiệu quả hơn; việc khai thác dữ liệu điện tử trong xử lý công việc ngày càng được tăng cường, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, giảm giấy tờ và tạo thuận lợi cho người dân khi thực hiện thủ tục hành chính.

(Có Phụ lục VI kèm theo)

5. Công tác phát triển nhân lực cho chuyển đổi số

UBND phường đã bố trí 01 cán bộ phụ trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số; tiếp tục cử cán bộ, công chức tham gia các lớp đào tạo, tập huấn về chuyển đổi số, an toàn thông tin và kỹ năng số do cấp trên tổ chức.

100% cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số cơ bản qua hệ thống Bình dân học vụ số.

Địa phương tiếp tục duy trì hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng; tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt, nền tảng số và ứng dụng AI phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương.

So với đầu năm 2025 và thời điểm đầu năm 2026, kỹ năng khai thác, sử dụng nền tảng số của cán bộ, công chức từng bước được nâng lên; công tác tuyên truyền, hỗ trợ người dân tham gia chuyển đổi số được triển khai thường xuyên hơn.

Tuy nhiên, nguồn nhân lực chuyên sâu về công nghệ thông tin và an toàn thông tin tại phường còn thiếu; chủ yếu thực hiện kiêm nhiệm.

(Có Phụ lục VII kèm theo).

6. Về phát triển kinh tế số, xã hội số

UBND phường đã triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số theo Chương trình số 02 của Ban Chỉ đạo Trung ương, tập trung vào cải cách hành chính, giải quyết

thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, phát triển kỹ năng số cho cán bộ, công chức và người dân; triển khai phong trào Bình dân học vụ số, Bình dân học AI, phổ cập chữ ký số công cộng và các nhiệm vụ chuyển đổi số theo chỉ đạo của cấp trên, tiếp tục duy trì mô hình “Chợ 4.0 - Chợ thanh toán không dùng tiền mặt”; tuyên truyền, vận động người dân, hộ kinh doanh sử dụng thanh toán điện tử, mã QR và các hình thức giao dịch không dùng tiền mặt trong đời sống hằng ngày.

Việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến, tài khoản định danh điện tử VNeID, thanh toán không dùng tiền mặt và các nền tảng số tiếp tục được đẩy mạnh, góp phần giảm thời gian đi lại, giảm chi phí thực hiện thủ tục hành chính, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng phục vụ người dân, tổ chức. Trong lĩnh vực sản xuất, địa phương đã triển khai mô hình ứng dụng công nghệ làm mát chuồng trại nuôi lợn tại TDP Chùa, bước đầu hỗ trợ người dân tiếp cận ứng dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất nông nghiệp.

So với đầu năm 2025, nhận thức và kỹ năng số của cán bộ, công chức và người dân đã được nâng lên; việc ứng dụng công nghệ số trong hoạt động của cơ quan nhà nước, sản xuất và đời sống ngày càng được mở rộng, góp phần thúc đẩy phát triển xã hội số trên địa bàn.

V. VỀ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

1. Kết quả thực hiện

Trong thời gian qua, UBND phường Trung Thành đã quan tâm thúc đẩy ứng dụng khoa học, công nghệ vào hoạt động quản lý nhà nước, sản xuất và đời sống; từng bước đưa các thành tựu khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo gắn với nhu cầu thực tiễn của địa phương.

Địa phương đã triển khai mô hình Ứng dụng công nghệ vào trồng rau Vietgap tại TDP Soi Trại. Mô hình bước đầu hỗ trợ người dân tiếp cận công nghệ trong sản xuất nông nghiệp, giảm chi phí lao động, nâng cao hiệu quả sản xuất.

Bên cạnh đó, phường triển khai mô hình “Camera an ninh tại 49 TDP”. Mô hình giúp theo dõi, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn phường.

Việc ứng dụng công nghệ thông tin, các nền tảng số và trí tuệ nhân tạo trong xử lý công việc chuyên môn từng bước được quan tâm, góp phần nâng cao năng suất lao động, chất lượng tham mưu và hiệu quả giải quyết công việc.

2. Tồn tại, hạn chế

Hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn phường chủ yếu tập trung vào ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật và công nghệ hiện có; chưa có các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ quy mô lớn.

Nguồn lực đầu tư cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo còn hạn chế; việc tiếp cận các công nghệ mới của người dân và một số cơ sở sản xuất, kinh doanh còn gặp khó khăn.

3. Nhiệm vụ, giải pháp trong thời gian tới

Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức về vai trò của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong phát triển kinh tế - xã hội.

Khuyến khích ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp, phát triển các mô hình ứng dụng công nghệ phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo và các nền tảng số trong hoạt động quản lý nhà nước, cải cách hành chính và phục vụ người dân.

VI. VỀ TÀI CHÍNH, KINH PHÍ CHO KHCN, ĐMST, CDS

1. Kết quả thực hiện

UBND phường Trung Thành đã quan tâm bố trí nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo khả năng cân đối ngân sách của địa phương.

Năm 2026, tổng kinh phí bố trí thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là 1.056.000 đồng. Đến thời điểm báo cáo đã giải ngân 120.000.000 đồng. Đang làm hồ sơ đối với 2 mục đó là: dự án Camera an ninh lắp đặt tại 49 TDP là 499 triệu đồng. Mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác chuyển đổi số là 100 triệu đồng.

Nguồn kinh phí được sử dụng để duy trì hoạt động các hệ thống thông tin, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, cải cách hành chính, tuyên truyền, tập huấn và triển khai các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo theo kế hoạch của địa phương.

2. Khó khăn, hạn chế

Mặc dù đã được quan tâm bố trí kinh phí nhưng nguồn lực đầu tư cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số còn hạn chế; chủ yếu đáp ứng các nhiệm vụ thường xuyên, chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu đầu tư hạ tầng số, trang thiết bị công nghệ thông tin và triển khai các mô hình ứng dụng công nghệ quy mô lớn.

3. Đề xuất, kiến nghị

Đề nghị các cấp có thẩm quyền tiếp tục quan tâm hỗ trợ nguồn lực cho địa phương để đầu tư hạ tầng số, trang thiết bị công nghệ thông tin, đào tạo nguồn nhân lực và triển khai các mô hình ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phù hợp với điều kiện thực tế của cấp cơ sở.

VII. HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ KHCN, ĐMST, CDS

Trên địa bàn phường không phát sinh hoạt động hợp tác quốc tế về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thuộc phạm vi quản lý của UBND phường.

VIII. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CHUNG

Sau 01 năm 06 tháng triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, công tác khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn phường Trung Thành đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Nhận thức của cán bộ, công chức và người dân về vai trò của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số từng bước được nâng cao; các nhiệm vụ chuyển đổi số được triển khai đồng bộ, bám sát chỉ đạo của cấp trên và phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

Các chỉ tiêu về hồ sơ trực tuyến, số hóa hồ sơ, cấp kết quả điện tử, tái sử dụng dữ liệu đạt kết quả tích cực. Phong trào Bình dân học vụ số được triển khai

sâu rộng; các mô hình ứng dụng AI, thanh toán không dùng tiền mặt và ứng dụng công nghệ trong sản xuất nông nghiệp bước đầu mang lại hiệu quả thiết thực.

Tuy nhiên, nguồn lực đầu tư cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số còn hạn chế; hạ tầng số chưa thực sự đồng bộ; trình độ, kỹ năng số của người dân còn chưa đồng đều. Trong thời gian tới, địa phương sẽ tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết số 57-NQ/TW, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao chất lượng phục vụ người dân trên địa bàn.

Phần 2

HÀNH ĐỘNG ĐỘT PHÁ, LAN TỎA KẾT QUẢ

I. HÀNH ĐỘNG ĐỘT PHÁ, LAN TỎA KẾT QUẢ

1. Mô hình “Tổ dân phố tiếp cận và sử dụng AI”

- **Vấn đề giải quyết:** Một bộ phận người dân tại cơ sở còn hạn chế trong tiếp cận công nghệ mới, trí tuệ nhân tạo (AI) và kỹ năng số.

- **Giải pháp thực hiện:** UBND phường triển khai mô hình hướng dẫn nhân dân TDP tiếp cận, sử dụng AI phục vụ tra cứu thông tin, học tập và đời sống; tổ chức hướng dẫn trực tiếp theo hình thức cầm tay chỉ việc.

- **Kết quả đạt được:** Người dân bước đầu biết sử dụng các công cụ AI phục vụ nhu cầu thực tế; góp phần nâng cao nhận thức về ứng dụng công nghệ tại cơ sở.

- **Tác động:** Tạo sự lan tỏa trong cộng đồng dân cư về tiếp cận công nghệ mới; góp phần thúc đẩy phong trào học tập kỹ năng số tại địa phương.

- **Bài học kinh nghiệm:** Việc triển khai mô hình cần phù hợp với nhu cầu thực tế của người dân; tăng cường hướng dẫn trực tiếp để người dân dễ tiếp cận và sử dụng.

- **Đầu mối liên hệ:** UBND phường Trung Thành

2. Mô hình “TDP hưởng ứng phong trào Bình dân học vụ số”

- **Vấn đề giải quyết:** Một bộ phận người dân còn hạn chế kỹ năng số, chưa thành thạo trong sử dụng các nền tảng số và dịch vụ số trong đời sống hằng ngày.

- **Giải pháp thực hiện:** UBND phường triển khai mô hình gắn với phong trào “Bình dân học vụ số”; hướng dẫn hội viên tham gia, học tập trên nền tảng “Bình dân học vụ số” tại địa chỉ <https://binhdanhocvuso.gov.vn>; đồng thời tổ chức hướng dẫn thực hành kỹ năng số cơ bản theo hình thức “cầm tay chỉ việc” phù hợp với từng đối tượng.

- **Kết quả đạt được:** Người dân từng bước nâng cao kỹ năng số, tăng khả năng tiếp cận và sử dụng các nền tảng số trong đời sống; góp phần triển khai hiệu quả phong trào “Bình dân học vụ số” tại địa phương.

- **Tác động:** Góp phần nâng cao nhận thức và kỹ năng số cho người dân tại cơ sở; tạo hiệu ứng lan tỏa trong cộng đồng về học tập kỹ năng số và tham gia chuyển đổi số.

- **Bài học kinh nghiệm:** Việc hướng dẫn trực tiếp, nội dung dễ hiểu, phù hợp với từng nhóm đối tượng giúp người dân dễ tiếp cận và tham gia hiệu quả hơn.

- **Đầu mối liên hệ:** UBND phường Trung Thành

3. Mô hình camera an ninh tại 49 tổ dân phố

- Vấn đề giải quyết

Trong thời gian trước đây, tình hình an ninh trật tự tại một số tổ dân phố còn tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp như trộm cắp tài sản, vi phạm trật tự công cộng, lấn chiếm lòng lề đường, xả rác không đúng nơi quy định và một số hành vi vi phạm pháp luật khác. Công tác theo dõi, giám sát chủ yếu thực hiện thủ công nên gặp nhiều khó khăn trong việc phát hiện, xử lý vi phạm cũng như hỗ trợ điều tra các vụ việc xảy ra trên địa bàn.

Bên cạnh đó, lực lượng chức năng tại cơ sở còn mỏng, trong khi địa bàn quản lý rộng, dẫn đến việc nắm bắt tình hình chưa kịp thời. Vì vậy, việc triển khai mô hình camera an ninh tại 49 tổ dân phố là yêu cầu cần thiết nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, giữ gìn an ninh trật tự và xây dựng đô thị văn minh.

- Giải pháp thực hiện

UBND phường phối hợp với Công an phường khảo sát các tuyến đường, khu vực trọng điểm để lựa chọn vị trí lắp đặt camera phù hợp.

Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động Nhân dân, các hộ kinh doanh, doanh nghiệp tham gia xã hội hóa kinh phí thực hiện mô hình.

Thành lập tổ quản lý, vận hành hệ thống camera; phân công cán bộ trực theo dõi, khai thác dữ liệu phục vụ công tác đảm bảo an ninh trật tự.

Kết nối hệ thống camera với lực lượng công an nhằm hỗ trợ giám sát, phát hiện và xử lý kịp thời các vụ việc phát sinh.

Thường xuyên kiểm tra, bảo trì hệ thống để bảo đảm hoạt động ổn định, liên tục.

- Kết quả đạt được

Đã triển khai lắp đặt hệ thống camera an ninh tại 49/49 tổ dân phố trên địa bàn.

Hệ thống camera hoạt động ổn định, hỗ trợ hiệu quả cho lực lượng chức năng trong công tác giám sát địa bàn.

Kịp thời phát hiện, xử lý nhiều vụ việc liên quan đến an ninh trật tự, trộm cắp tài sản, vi phạm giao thông và các hành vi gây mất trật tự công cộng.

Ý thức chấp hành pháp luật của người dân được nâng lên; tình trạng vi phạm an ninh trật tự giảm rõ rệt.

Góp phần xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc và thúc đẩy chuyển đổi số trong công tác quản lý địa bàn.

- Tác động

Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh trật tự tại cơ sở.

Tăng cường tính răn đe, phòng ngừa vi phạm pháp luật.

Tạo môi trường sống an toàn, văn minh, giúp người dân yên tâm lao động, sản xuất và sinh hoạt.

Phát huy tinh thần đoàn kết, huy động được sự tham gia của Nhân dân trong công tác bảo đảm an ninh trật tự.

Là nền tảng để tiếp tục triển khai các mô hình đô thị thông minh, chuyên đổi số tại địa phương.

4. Bài học kinh nghiệm

Cần có sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt của cấp ủy, chính quyền địa phương trong quá trình triển khai thực hiện.

Phải làm tốt công tác tuyên truyền để tạo sự đồng thuận, ủng hộ của Nhân dân.

Việc lựa chọn vị trí lắp đặt camera cần phù hợp với tình hình thực tế, bảo đảm hiệu quả giám sát.

Cần phân công rõ trách nhiệm quản lý, vận hành và khai thác dữ liệu camera.

Thường xuyên kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng hệ thống nhằm bảo đảm hoạt động ổn định lâu dài.

5. Đầu mối liên hệ

Đơn vị thực hiện: UBND phường.

Cơ quan phối hợp: Công an phường và các tổ dân phố.

(Có Phụ lục IX kèm theo)

Phần 3

MỘT SỐ NỘI DUNG CHƯA THỰC CHẤT, ĐIỂM NGHẼN

I. CÁC NỘI DUNG CÒN HÌNH THỨC, CHƯA THỰC CHẤT

Một số hoạt động tuyên truyền, tập huấn về chuyển đổi số, kỹ năng số đã được triển khai nhưng hiệu quả chưa đồng đều giữa các nhóm đối tượng. Sau tập huấn, một bộ phận người dân, đặc biệt là người cao tuổi vẫn còn hạn chế trong việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến, các nền tảng số và ứng dụng số trong đời sống hằng ngày.

Việc triển khai một số mô hình chuyển đổi số bước đầu tạo được hiệu ứng tuyên truyền, nâng cao nhận thức nhưng quy mô còn nhỏ, phạm vi tác động chưa rộng; kết quả ứng dụng trong thực tiễn cần tiếp tục được theo dõi, đánh giá và nhân rộng trong thời gian tới.

II. NHỮNG TỒN TẠI, ĐIỂM NGHẼN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

1. Nhiệm vụ quá hạn, nhiệm vụ tồn đọng, nhiệm vụ quan trọng

Trên địa bàn phường không có nhiệm vụ quá hạn hoặc tồn đọng thuộc phạm vi quản lý của UBND phường liên quan đến triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW.

2. Điểm nghẽn về thể chế

Cấp xã chủ yếu tổ chức thực hiện các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh và cấp trên; chưa có nhiều cơ chế, chính sách đặc thù để chủ động thúc đẩy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

Một số nội dung liên quan đến quản lý, khai thác dữ liệu số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo và triển khai các công nghệ mới tại cơ sở còn thiếu hướng dẫn cụ thể hoặc chưa có quy định chi tiết để tổ chức thực hiện thống nhất.

Nguyên nhân chủ yếu do thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách thuộc cấp trên.

Trách nhiệm của các bên liên quan: Các cơ quan chuyên môn cấp trên tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện và hướng dẫn thực hiện; địa phương chủ động tổ chức triển khai theo quy định hiện hành.

3. Điểm nghẽn về chuyển đổi số

Hạ tầng công nghệ thông tin tại cơ sở chưa thực sự đồng bộ; một số trang thiết bị công nghệ thông tin đã qua thời gian sử dụng. Kỹ năng số của một bộ phận người dân còn hạn chế, ảnh hưởng đến việc khai thác hiệu quả các dịch vụ số.

Một số hệ thống, nền tảng số trong quá trình sử dụng đôi khi còn xảy ra tình trạng quá tải hoặc lỗi kỹ thuật, ảnh hưởng đến tiến độ xử lý công việc tại cơ sở.

Nguyên nhân chủ yếu do nguồn lực đầu tư còn hạn chế; một số hệ thống dùng chung được triển khai trên phạm vi rộng, số lượng người dùng lớn.

Trách nhiệm của các bên liên quan: Địa phương tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, hỗ trợ người dân nâng cao kỹ năng số; các cơ quan chuyên môn, đơn vị quản trị hệ thống tiếp tục nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng và các nền tảng dùng chung.

4. Điểm nghẽn về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn chủ yếu tập trung ở mức ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật vào thực tiễn; chưa hình thành các mô hình nghiên cứu, đổi mới sáng tạo quy mô lớn.

Việc ứng dụng các công nghệ mới trong sản xuất và đời sống còn phụ thuộc vào điều kiện kinh tế của người dân và khả năng tiếp cận nguồn lực hỗ trợ.

Nguyên nhân chủ yếu do nguồn lực đầu tư hạn chế, quy mô kinh tế địa phương còn nhỏ.

Trách nhiệm của các bên liên quan: Các cơ quan chuyên môn tiếp tục hướng dẫn, hỗ trợ chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật; địa phương tăng cường tuyên truyền, khuyến khích người dân ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất và đời sống.

5. Điểm nghẽn về tài chính, giải ngân

Nguồn kinh phí bố trí cho khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số còn hạn chế; chủ yếu đáp ứng các nhiệm vụ thường xuyên, chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu đầu tư hạ tầng số, trang thiết bị công nghệ thông tin và triển khai các mô hình ứng dụng công nghệ quy mô lớn.

Nguyên nhân chủ yếu do khả năng cân đối ngân sách địa phương còn khó khăn.

Trách nhiệm của các bên liên quan: Địa phương chủ động sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí được giao; các cấp có thẩm quyền tiếp tục quan tâm hỗ trợ nguồn lực cho cơ sở.

6. Điểm nghẽn về nguồn nhân lực cho chuyển đổi số và nhân lực chất lượng cao cho phát triển KHCN và ĐMST

UBND phường đã bố trí công chức phụ trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số; tuy nhiên công chức được giao nhiệm vụ đồng thời tham mưu nhiều lĩnh vực khác nhau, trong khi yêu cầu chuyên môn về chuyển đổi số, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo ngày càng cao.

Nguyên nhân chủ yếu do biên chế, nhân lực chuyên trách tại cấp xã còn hạn chế.

Trách nhiệm của các bên liên quan: Địa phương tiếp tục tạo điều kiện cho cán bộ tham gia đào tạo, bồi dưỡng; các cơ quan chuyên môn cấp trên tăng cường tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ cho cán bộ cơ sở.

7. Các vấn đề khác có liên quan

Không.

Phần 4

NGHỊ QUYẾT SỐ 57-NQ/TW VÀ MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG HAI CON SỐ

I. MỘT SỐ NỘI DUNG NỔI BẬT, ĐÓNG GÓP CHO TĂNG TRƯỞNG 2 CON SỐ

1. Ứng dụng công nghệ làm mát chuồng trại chăn nuôi lợn trong sản xuất nông nghiệp với tại TDP Chùa

- Cơ chế tác động đến tăng trưởng:

Mô hình giúp ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực, giảm chi phí sản xuất và góp phần tăng giá trị sản phẩm nông nghiệp.

- Tác động đến năng suất:

Hệ thống làm mát chuồng trại giúp điều hoà nhiệt độ tại nơi trực tiếp chăn nuôi, tăng năng suất, giảm thời gian và công lao động cho người sản xuất.

- Tác động đến TFP:

Việc ứng dụng công nghệ trong sản xuất giúp nâng cao hiệu quả sản xuất, tiết kiệm sức lao động;

- Thu hút vốn tư nhân:

Mô hình tạo điều kiện để người dân tiếp cận các giải pháp công nghệ mới trong sản xuất nông nghiệp, từng bước hình thành nhu cầu đầu tư ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất.

- Doanh nghiệp công nghệ hình thành:

Trên địa bàn phường chưa phát sinh doanh nghiệp công nghệ từ mô hình này.

- Chuỗi giá trị được nâng cấp:

Góp phần chuyển đổi phương thức sản xuất từ truyền thống sang ứng dụng công nghệ, tạo tiền đề nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm nông nghiệp.

- Thị trường đầu ra:

Mô hình góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm nông nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi cho việc mở rộng thị trường tiêu thụ trong thời gian tới.

2. Phong trào Bình dân học vụ số và nâng cao kỹ năng số cho người dân

- Cơ chế tác động đến tăng trưởng:

Nâng cao trình độ số của người dân, tăng khả năng tiếp cận các dịch vụ số, thương mại điện tử và các nền tảng số phục vụ sản xuất, kinh doanh.

- Tác động đến năng suất:

Người dân được tiếp cận các công cụ số giúp tiết kiệm thời gian, chi phí thực hiện thủ tục hành chính và tìm kiếm thông tin phục vụ sản xuất, kinh doanh.

- Tác động đến TFP:

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và hiệu quả khai thác các nguồn lực xã hội thông qua ứng dụng công nghệ số.

- Thu hút vốn tư nhân:

Tạo môi trường thuận lợi để thúc đẩy các hoạt động kinh doanh, dịch vụ ứng dụng công nghệ số tại địa phương.

- Doanh nghiệp công nghệ hình thành:

Chưa phát sinh doanh nghiệp công nghệ trên địa bàn.

- Chuỗi giá trị được nâng cấp:

Từng bước thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và cung cấp dịch vụ.

- Thị trường đầu ra:

Hỗ trợ người dân tiếp cận các kênh quảng bá, giới thiệu sản phẩm trên môi trường số.

II. ĐỀ NGHỊ NGHIÊN CỨU, ĐÁNH GIÁ

Qua thực tiễn triển khai tại cơ sở cho thấy, việc huy động các nguồn lực xã hội cho khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số còn gặp nhiều khó khăn. Nguồn lực đầu tư của người dân và doanh nghiệp trên địa bàn chủ yếu tập trung vào sản xuất, kinh doanh quy mô nhỏ; chưa hình thành các dự án đầu tư lớn về công nghệ cao, nghiên cứu và phát triển.

Đề nghị các cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu, đánh giá đầy đủ xu hướng dịch chuyển dòng vốn đầu tư giữa các lĩnh vực sản xuất, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và các lĩnh vực khác; đồng thời tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp và người dân đầu tư vào sản xuất, ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số.

Đề nghị tiếp tục hoàn thiện hệ thống dữ liệu số, dữ liệu đất đai, quy hoạch, đầu tư và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành; tăng cường công khai, minh bạch thông tin để tạo thuận lợi cho hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh; góp phần thu hút các nguồn lực xã hội phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và thúc đẩy tăng trưởng bền vững.

Phần 5

NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM 6 THÁNG CUỐI NĂM 2026

I. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRONG 6 THÁNG CUỐI NĂM 2026

1. Tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Cơ quan chủ trì: UBND phường Trưng Thành.

Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, đơn vị, các tổ dân phố trên địa bàn phường.

Thời gian thực hiện: Thường xuyên trong 6 tháng cuối năm 2026.

Kết quả dự kiến: Các nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số được triển khai đồng bộ, đúng tiến độ; nâng cao trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong tổ chức thực hiện.

2. Tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan nhà nước

Cơ quan chủ trì: Văn phòng HĐND và UBND phường, Trung tâm Phục vụ hành chính công.

Cơ quan phối hợp: Các bộ phận chuyên môn thuộc UBND phường.

Thời gian thực hiện: 6 tháng cuối năm 2026.

Kết quả dự kiến: Duy trì tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận trực tuyến đạt 99,9%; tiếp tục nâng cao tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình, tỷ lệ số hóa hồ sơ, tỷ lệ cấp kết quả điện tử và tỷ lệ tái sử dụng dữ liệu.

3. Nâng cao chất lượng phong trào Bình dân học vụ số và kỹ năng số cho người dân

Cơ quan chủ trì: Phòng Văn hóa - Xã hội.

Cơ quan phối hợp: Các tổ chức chính trị - xã hội, Tổ công nghệ số cộng đồng, các tổ dân phố.

Thời gian thực hiện: 6 tháng cuối năm 2026.

Kết quả dự kiến: Tiếp tục nâng cao kỹ năng số cho người dân; tăng tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến, chữ ký số công cộng, thanh toán không dùng tiền mặt và các nền tảng số.

4. Thúc đẩy ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo trong sản xuất và đời sống

Cơ quan chủ trì: Phòng Kinh tế.

Cơ quan phối hợp: Phòng Văn hóa - Xã hội, các tổ dân phố và các tổ chức có liên quan.

Thời gian thực hiện: 6 tháng cuối năm 2026.

Kết quả dự kiến: Duy trì, phát huy hiệu quả các mô hình ứng dụng khoa học công nghệ; nghiên cứu nhân rộng các mô hình phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

5. Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo

Cơ quan chủ trì: UBND phường.

Cơ quan phối hợp: Các cơ quan chuyên môn cấp trên.

Thời gian thực hiện: 6 tháng cuối năm 2026.

Kết quả dự kiến: Cán bộ, công chức được cập nhật kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo và ứng dụng công nghệ mới phục vụ công tác chuyên môn.

II. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Đề nghị tiếp tục quan tâm bố trí nguồn lực đầu tư cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại cấp cơ sở.

Đề nghị tiếp tục nâng cấp, hoàn thiện các nền tảng số dùng chung, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính nhằm bảo đảm hoạt động ổn định, đồng bộ dữ liệu và thuận lợi trong quá trình khai thác, sử dụng tại cơ sở.

Đồng thời, đề nghị nghiên cứu ban hành cơ chế hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với các Tổ công nghệ số cộng đồng tại các xã, phường nhằm phát huy hiệu quả vai trò tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, các nền tảng số và tham gia chuyển đổi số tại cơ sở.

(Có Phụ lục X kèm theo)

Trên đây là Báo cáo kết quả sơ kết 01 năm 06 tháng triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia của UBND phường Trưng Thành./.

Nơi nhận:

- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND phường;
- Lãnh đạo UBND phường;
- Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn phường;
- Các tổ dân phố trên địa bàn phường;
- Lưu: VT, VHXX.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Ngô Mạnh Tài

CÁC PHỤ LỤC CHI TIẾT

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /6/2026 của
UBND phường Trung Thành)

1. Phụ lục I. Công tác chỉ đạo, điều hành, hiệu quả đem lại

STT	Số văn bản đã ban hành		Số phiên họp/cuộc họp		Các phương thức chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu đã áp dụng	Những chuyển biến cụ thể, hiệu quả thực chất đem lại	Khó khăn, vướng mắc đã được tháo gỡ	Tác động đối với cơ quan nhà nước, người dân, doanh nghiệp
	Người đứng đầu trực tiếp ký	Cấp phó người đứng đầu ký	Người đứng đầu chủ trì	Cấp phó người đứng đầu chủ trì				
1	696	1963	25		Chỉ đạo, điều hành thông qua hệ thống quản lý văn bản điện tử, hệ thống thông tin giải quyết TTHC, nền tảng số và các nhóm công việc trực tuyến	Nâng cao tỷ lệ hồ sơ trực tuyến, kỹ năng số cho người dân; triển khai hiệu quả các mô hình “Bình dân học vụ số”, tiếp cận AI và thanh toán không dùng tiền mặt	Từng bước hỗ trợ người dân tiếp cận dịch vụ công trực tuyến, nền tảng số và ứng dụng AI phù hợp với điều kiện thực tế	Nâng cao hiệu quả xử lý công việc tại cơ quan nhà nước; tạo thuận lợi cho người dân trong thực hiện TTHC và tiếp cận các dịch vụ số

2. Phụ lục II. Phản ánh, kiến nghị, sáng kiến, giải pháp tốt, có giá trị thực tiễn

Việc giải quyết những phản ánh, kiến nghị

STT	Nhóm PAKN/SKGP xuất hiện nhiều	Đã giải quyết dứt điểm chưa?
-----	--------------------------------	------------------------------

	PAKN/SKGP mới	PAKN/SKGP được đề cập kéo dài hoặc lặp lại	Những điểm nghẽn được phản ánh?	
	0	0		

Những sáng kiến, giải pháp

STT	Nội dung PAKN/SKGP	Cơ quan/Tổ chức/Cá nhân đề xuất	Giá trị thực tiễn có thể mang lại	Kiến nghị của cơ quan giải quyết để SKGP có thể triển khai, áp dụng
	Không có			

3. Phụ lục III. Danh sách thể chế, chính sách đã ban hành, cần ban hành: không có.

4. Phụ lục IV. Bảng số liệu thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến

- Số thủ tục hành chính hiện nay: 2110, trong đó:

STT	Số TTHC	
	Cấp tỉnh	Cấp xã
	1752	358

- Số dịch vụ công trực tuyến hiện nay: 2100, trong đó:

STT	Số DVCTT					
	Cấp Trung ương		Cấp tỉnh		Cấp xã	
	Số DVCTT toàn trình	Số DVCTT một phần	Số DVCTT toàn trình	Số DVCTT một phần	Số DVCTT toàn trình	Số DVCTT một phần
..			1134	608	196	162

- Số dịch vụ công trực tuyến hiện nay: 2100, trong đó:

STT	Số DVCTT					
	Cấp Trung ương		Cấp tỉnh		Cấp xã	
	Số DVCTT toàn trình	Số DVCTT một phần	Số DVCTT toàn trình	Số DVCTT một phần	Số DVCTT toàn trình	Số DVCTT một phần
..			1134	608	196	162

- Tổng số hồ sơ tiếp nhận trong 5 tháng đầu năm 2026 và lũy kế đến hiện tại:

STT	Số hồ sơ trực tuyến		Số hồ sơ trực tiếp và hình thức khác	
	6 tháng đầu năm	Lũy kế đến hiện tại	6 tháng đầu năm	Lũy kế đến hiện tại

1	Cấp Xã			
	4740	4838	0	0

5. Phụ lục V. Danh mục nền tảng số quốc gia, chuyên ngành, dùng chung

UBND phường chủ yếu khai thác, sử dụng các nền tảng số quốc gia, nền tảng số chuyên ngành và nền tảng dùng chung do Trung ương, cấp tỉnh triển khai phục vụ công tác quản lý nhà nước và giải quyết thủ tục hành chính tại địa phương.

6. Phụ lục VI. Tiến độ triển khai các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành

UBND phường không trực tiếp triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành; hiện chủ yếu khai thác, sử dụng các cơ sở dữ liệu, nền tảng dùng chung do Trung ương và cấp tỉnh triển khai, phục vụ công tác quản lý nhà nước và giải quyết thủ tục hành chính tại địa phương.

7. Phụ lục VII. Việc bố trí cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số của cơ quan, địa phương

STT	Số biên chế được giao	Số người đã được bố trí	Số người còn thiếu	Lý do chưa bố trí đủ	Ghi chú
1	55	1			

8. Phụ lục VIII. Danh mục công nghệ chiến lược/sản phẩm công nghệ chiến lược Không có.

9. Phụ lục IX. Danh mục một số kết quả đột phá

STT	Vấn đề cần giải quyết	Giải pháp thực hiện	Cơ chế, chính sách, nền tảng, dữ liệu, hạ tầng, nhân lực... đã sử dụng	Nguồn lực, kinh phí và thời gian triển khai	Kết quả định lượng	Tác động đối với người dân, doanh nghiệp, bộ máy nhà nước	Bài học và điều kiện nhân rộng	đánh giá tác động rủi ro khi nhân rộng (nếu có)	Vai trò người đứng đầu trong hoạt động đột phá (nếu có)	Đà u môi liên hệ
1	Nâng cao kỹ năng số cho người dân	Triển khai mô hình “TDP hướng ứng phong trào Bình dân học vụ số”	Nền tảng https://binhdanhocvuso.gov.vn ; Tổ công nghệ số cộng đồng	Triển khai năm 2026	Người dân được hướng dẫn kỹ năng số cơ bản	Nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ số cho người dân	Hướng dẫn trực tiếp, phù hợp từng đối tượng	Người cao tuổi còn khó tiếp cận công nghệ	Chủ tịch UBND phường trực tiếp chỉ đạo	UBND phường Trưng Thành

2	Nâng cao khả năng ứng dụng AI tại cộng đồng	Triển khai mô hình “TDP tiếp cận và sử dụng AI”	Nền tảng https://aicongdong.ptit.edu.vn ; Tổ công nghệ số cộng đồng	Triển khai năm 2026	Người dân bước đầu sử dụng AI trong học tập, đời sống	Tạo hiệu ứng lan tỏa về ứng dụng AI tại cơ sở	Tăng cường hướng dẫn thực hành	Thiết bị của một số người dân còn hạn chế	Chủ tịch UBND phường trực tiếp chỉ đạo	UBND phường Trung Thành
---	---	---	--	---------------------	---	---	--------------------------------	---	--	-------------------------

10. Phụ lục X. Danh mục đề xuất kiến nghị của các cơ quan, địa phương

STT	Nội dung đề xuất, kiến nghị	Thẩm quyền xem xét, quyết định	Cơ quan chủ trì xử lý đề xuất, kiến nghị	Cơ quan phối hợp xử lý đề xuất, kiến nghị	Sản phẩm/kết quả đầu ra mong muốn	Thời hạn hoàn thành
I	Nhóm vấn đề cơ quan, địa phương tự xử lý được, nêu rõ cam kết và thời hạn hoàn thành					
1	Tiếp tục tuyên truyền, hướng dẫn người dân tham gia “Bình dân học vụ số”, sử dụng dịch vụ công trực tuyến và nền tảng số	UBND phường Trung Thành	UBND phường Trung Thành	Tổ công nghệ số cộng đồng, các đoàn thể	Nâng cao kỹ năng số cho người dân	6 tháng cuối năm 2026

II	Nhóm vấn đề căn sở, ngành hướng dẫn, phối hợp hoặc tháo gỡ					
1	<p>Đề nghị tiếp tục quan tâm bố trí nguồn lực đầu tư cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại cấp cơ sở</p>	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính	Bổ sung kinh phí	Năm 2026
	<p>Đề nghị tiếp tục nâng cấp, hoàn thiện các nền tảng số dùng chung, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính nhằm bảo đảm hoạt động ổn định, đồng bộ dữ liệu và thuận lợi trong quá trình khai thác, sử</p>	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các Sở, ngành cấp tỉnh	Hệ thống thông tin đồng bộ	Năm 2026

	dụng tại cơ sở					
	<p>Đề nghị nghiên cứu ban hành cơ chế hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với các Tổ công nghệ số cộng đồng tại các xã, phường nhằm phát huy hiệu quả vai trò tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, các nền tảng số và tham gia chuyên đổi số tại cơ sở</p>	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính	Kinh phí hỗ trợ	Năm 2026

STT	Nội dung đề xuất, kiến nghị	Thẩm quyền xem xét, quyết định	Cơ quan chủ trì xử lý đề xuất, kiến nghị	Cơ quan phối hợp xử lý đề xuất, kiến nghị	Sản phẩm/kết quả đầu ra mong muốn	Thời hạn hoàn thành
I	Nhóm vấn đề cơ quan, địa phương tự xử lý được, nêu rõ cam kết và thời hạn hoàn thành					
1	Tiếp tục tuyên truyền, hướng dẫn người dân tham gia “Bình dân học vụ số”, sử dụng dịch vụ công trực tuyến và nền tảng số	UBND phường Trưng Thành	UBND phường Trưng Thành	Tổ công nghệ số cộng đồng, các đoàn thể	Nâng cao kỹ năng số cho người dân	6 tháng cuối năm 2026
II	Nhóm vấn đề căn sở, ngành hướng dẫn, phối hợp hoặc tháo gỡ					
1	Đề nghị hỗ trợ tập huấn, nâng cao kỹ năng ứng dụng AI và kỹ năng số cho cán bộ, người dân	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND phường Trưng Thành	Các cơ quan chuyên môn cấp trên	Tổ chức các lớp tập huấn, hướng dẫn	Năm 2026